TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/ 2021/ HNGĐ - ST
Ngày: 31 - 12 - 2021
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Bản

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Bình

Bà Phạm Thị Diệu Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bằng Thị Kim Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên:Không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161 / 2021/ TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/ 2021/ QĐXX-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Mạnh T, sinh năm 1991; Trú tại: Tổ 8, phường M, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Lan H, sinh năm 1997; Trú tại: Tổ dân phố X, phường C, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Bùi Mạnh T trình bầy: Anh T và chị H kết hôn ngày 17/3/2020 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cải Đan, thành phố Sông Công. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau nhưng không hạnh phúc,nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau dẫn đến không tìm được Tg nói chung, cuộc sống vợ chồng không thể hòa hợp được, đến nay đã sống ly thân được gần 05 tháng. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn chị H. Về con chung, anh T xác

định chưa có con chung, không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và công nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn chị Nguyễn Thị Lan Hkhai về quá trình anh T và chị H kết hôn, chung sống, ly thân như anh T đã trình bầy. Theo chị H, quá trình chung sống giữa vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, cãi vã trong cuộc sống nhưng không đến mức phải ly hôn. ChịH xác định vẫn còn tình cảm, nên không đồng ý ly hôn với anh T.Về con chung, chị H cũng xác định chưa có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và công nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã T hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng không thành. Vụ án không T hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử tại phiên tòa công khai.

Tại phiên tòa, anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn chị H; về con chung anh T xác định không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung, anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về "Ly hôn". Bị đơn cư trú tại thành phố Sông Công, theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Lan H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà, căn cứ Điều 227 bộ luật Tố tụng dân sự Toà án nhân dân thành phố Sông Công xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị Lan H.

Căn cứ Khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự đây là vụ án Tòa án không T hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1.Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo anh T và chị H trình bầy, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dobất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyêncãi nhau. Đến nay vợ chồng đã ly thân được 05 tháng. Như vậy, đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ vợ chồng, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.Anh Txác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị H. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của anh T được ly hôn chị Nguyễn Thị Lan H là phù hợp. Về phía chị H không đồng ý ly hôn, nhưng sau khi vợ chồng xẩy ra mâu thuẫn, bản thân chị cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên yêu cầu đoàn tụ của chị là không có căn cứ thực tế.

2.2. Về con chung: Anh T và chị H xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Cả anh T và chị H đều không yêu cầu chia tài sản và xác định là không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không xem xét.

[3] Về án phí: Anh T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Anh T và chị H được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/ 2016/ NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Mạnh T, anh Bùi Mạnh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Lan H.

2. Về con chung: Anh T và chị H xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Cả anh T và chị H đều không yêu cầu chia tài sản chung và xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không xem xét.

4. Về án phí: Anh Bùi Mạnh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001461 ngày 11/ 10/ 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn là anh Bùi Mạnh T, vắng mặt bị đơn là chị Nguyễn Thị Lan H. Báo cho anh T biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Sông Công;
- Chi cục THADS TP. Sông Công;
- UBND phường Cải Đan, TPSC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Văn Bản